

Bản án số: **19/2026/HNGĐ – ST**

Ngày 13/02/2026

V/v “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Anh Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nguyệt và bà Cao Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị An – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 02 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2025/TLST – HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025 về “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2026/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2026/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị N, sinh năm 1999. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: xóm T, xã N, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* Anh Lô Văn G, sinh năm 1995. (Vắng mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: xóm Q, xã N, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trương Thị N trình bày: Chị N và anh Lô Văn G có đăng ký kết hôn vào ngày 27 tháng 11 năm 2017 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (Nay là xã N, tỉnh Nghệ An). Hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng thời gian ngắn, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau, không có tiếng nói chung. Đến năm 2021 anh G đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, không liên lạc gì với chị N, sau đó chị N cùng con chung về nhà mẹ đẻ ở xã N

sinh sống. Đến tháng 01 năm 2025 thì anh G ra ngoài làm ăn bất hợp pháp nên bị trục xuất về nước nhưng cũng không đến thăm con. Chị N và anh G sống ly thân đã hơn 5 năm, trong thời gian sống ly thân nhau thì không ai liên lạc, quan tâm, hỏi han gì đến nhau. Nay chị N xét thấy không còn tình cảm với anh G nữa và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị N và anh G có một con chung là Lô Trường L – sinh ngày 31/01/2019. Chị N đề nghị cho chị tiếp tục được nuôi con chung và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Lô Văn G: Quá trình giải quyết chị N đã thông báo cho anh G về việc khởi kiện tranh chấp ly hôn và nuôi con tại Tòa án. Tòa án cũng đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, Quyết định hoãn phiên tòa họp lệ cho anh G nhưng anh vẫn cố tình không hợp tác, không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh G vẫn không có mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vắng mặt anh G.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về trình tự tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, ban hành các quyết định đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã làm đúng trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các giấy tờ hợp lệ nhưng vẫn cố tình không chấp hành.

Về việc giải quyết vụ án đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị N là được ly hôn với anh Lô Văn G. Về con cái: Chị N và anh G có một con chung là Lô Trường L, sinh ngày 31/01/2019 đề nghị giao cho chị N tiếp tục nuôi con chung là cháu Lô Trường L. Về yêu cầu cấp dưỡng: chị N không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết yêu cầu của chị N.

2. Về thủ tục tố tụng: Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Lô Văn G đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 và 228 – Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị N và anh Lô Văn G có mối quan hệ hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau, không có tiếng nói chung. Đến năm 2021 anh G đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, không liên lạc gì với chị N, sau đó chị N cùng con chung về nhà mẹ đẻ ở xã N sinh sống. Đến tháng 01 năm 2025 anh G về nước nhưng cũng không đến thăm con. Chị N và anh G sống ly thân đã hơn 5 năm, trong thời gian sống ly thân nhau thì không ai liên lạc, quan tâm, hỏi han gì đến nhau. Đối với anh G đã nhiều lần Tòa án đã triệu tập anh lên Tòa án để hòa giải nhưng anh vẫn cố tình không lên, điều đó thể hiện anh không có thiện chí hòa giải để vợ chồng về chung sống với nhau. Xét thấy tình cảm của cả hai bên đều không còn nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị N là được ly hôn với anh Lô Văn G.

4. Về quan hệ con chung: Chị N và anh G có một con chung là Lô Trường L, sinh ngày 31/01/2019. Chị N có nguyện vọng nuôi con chung và trong quá trình sống ly thân chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh Lô Văn G vắng mặt tại phiên toà và không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung là cháu Lô Trường L cho chị Trương Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung: do chị N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về quan hệ tài sản: Chị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và 228 – Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 - Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị N là được ly hôn với anh Lô Văn G.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Trương Thị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là Lô Trường L, sinh ngày 31/01/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trương Thị N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Anh Lô Văn G có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Trương Thị N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trương Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị N đã nộp đủ 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền số 0001973 ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 8 – Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Nghĩa Khánh, tỉnh Nghệ An (Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Anh Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nguyệt

Cao Thị Hằng

Lương Anh Xuân